

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11./2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đông và bà Vũ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Giang tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị X, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: Xã TL, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở : Thôn KL, xã Ph, huyện AT, tỉnh Hưng Yên.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Đức G, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu T, xã TL, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Chị Phạm Thị S, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn KL, xã Ph, huyện AT, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Khu T, xã TL, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị X trình bày:

Chị và anh Lê Đức G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL vào năm 2009. Vợ chồng chị chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G thường chửi bới chị. Chị đã vì con mà nhẫn nhịn chịu đựng, nhưng đến đầu năm 2019, anh G chơi cờ bạc bị thua, nợ nần thì càng chửi bới chị nhiều hơn, đe dọa giết chị nên chị đã bỏ ra nơi khác ở, không chung sống cùng nhà với anh G. Sau đó anh G luôn đến quấy nhiễu, yêu cầu chị quay lại sống cùng anh G và hứa sẽ thay đổi. Tuy nhiên, khi chị quay lại chung sống thì anh G vẫn như vậy và còn nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác, mâu thuẫn vợ chồng vì thế trở nên ngày càng trầm trọng. Vì vậy, từ tháng 4/2019, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn KL, xã Ph, huyện AT, tỉnh Hưng Yên sống và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với anh G được nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Chị và anh G có 2 con chung là Lê Hoàng N, sinh ngày 18/3/2010 và Lê Thảo L, sinh ngày 04/01/2012, hai con đang ở cùng với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Chị xác định có mức thu nhập hàng tháng 6-7 triệu đồng, đang ở trên nhà, đất của bố mẹ đẻ chị để lại, nên có đủ khả năng, điều kiện chăm sóc con cái.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Đức G trình bày: Anh và chị X kết hôn như chị X khai là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018, thì chị X có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, còn việc chị X trình bày anh cờ bạc dẫn đến nợ nần là không đúng, mà nợ nần là do làm ăn thua lỗ. Anh đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng trong lúc nóng giận thì có lời lẽ không phải với chị X, thậm chí dọa đánh chị X chỉ là vì mong chị X chấm dứt quan hệ đó để vun vén hạnh phúc gia đình, nhưng chị X lại không muốn chung sống cùng anh mà đi ở riêng. Anh đã nhiều lần tìm gọi chị X về sống cùng anh, chị X có về nhưng được khoảng 15 ngày thì chị X bỏ về quê ở AT, Hưng Yên sống từ tháng 4/2019 đến nay. Anh đã nhiều lần sang tìm gặp để nói chuyện đoàn tụ vợ chồng, nhưng chị X cương quyết không quay về và còn đòi ly hôn. Hiện tại anh và chị X đã độc lập về kinh tế. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị X và cũng mong chị X về đoàn tụ để con cái đỡ khổ, do vậy chị X xin ly hôn, anh không nhất trí. Anh hứa sẽ sửa chữa những sai lầm mắc phải.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có 2 con như chị X trình bày. Nếu chị X cương quyết ly hôn, anh nhất trí để chị X nuôi dưỡng cả hai con vì các con còn nhỏ.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Người làm chứng là bà Phạm Thị Đ, mẹ đẻ của anh G khai: Anh G và chị X trong quá trình chung sống cũng có mâu thuẫn, nhưng không trầm trọng. Nhưng

cho đến gần đây, thì do làm ăn thua lỗ, nợ nần nên có xảy ra va chạm, to tiếng. Chị X trách móc anh G, còn anh G nóng tính có chửi chị X. Sau đó có việc vợ chồng tự phân chia tài sản và chị X đưa con đi nơi khác thuê chỗ ở, được một thời gian lại về ở cùng nhau nhưng chỉ được thời gian ngắn thì chị X đã cùng 2 con về quê ngoại sống từ tháng 4/2019 cho đến nay. Gia đình bà đã khuyên giải nhiều, nhưng anh chị vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Bà mong muốn anh chị đoàn tụ bởi lẽ gia đình theo Công giáo, không chấp nhận ly hôn, còn nếu không ở với nhau được thì chỉ có thể ly thân.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung. Anh G làm nghề cơ khí và đang xây nhà. Nếu anh G được giao nuôi con thì bà sẽ hỗ trợ chăm sóc. Nếu chị X muốn nuôi con và có điều kiện chăm sóc thì Tòa án có thể giao con cho chị nuôi dưỡng.

Người làm chứng là chị Phạm Thị S, là chị gái của chị X khai:

Vợ chồng chị X và anh G sống hạnh phúc được vài năm sau khi kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh G không tu chí làm ăn, chơi bời dẫn đến thua lỗ, về nhà hạch sách, mắng chửi chị X, ngoài ra còn nghi ngờ chị X không chung thủy. Anh G có nhiều lời lẽ xúc phạm chị X, gây áp lực tâm lý đối với chị X. Từ tháng 4/2019 vợ chồng chị X đã sống ly thân nhau. Chị X hiện đang sống với 2 con tại nhà đất của bố mẹ đẻ (đều đã chết) để lại cùng với em trai và em gái của chị X. Chị X đang làm thợ kim hoàn cùng với gia đình chị S. Sau khi chị X về quê sinh sống, anh G tiếp tục đến gây sự, chửi bới và đe dọa đánh chị X, chị S tham gia góp ý thì anh G chửi và dọa đánh cả chị. Việc làm của anh G gây ảnh hưởng đến làng xóm. Chị S cho rằng mâu thuẫn chị X và anh G như vậy là đã rất trầm trọng, khó có thể hàn gắn.

Hai con chung của chị X và anh G đang ở với chị X. Nếu Tòa án giao con cho chị X nuôi thì gia đình chị S cũng sẽ hỗ trợ chị X nuôi con. Thu nhập từ nghề kim hoàn của chị X hiện tại là khoảng 6-7 triệu đồng/tháng.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh G, chị X chung sống và được cung cấp thông tin: Vợ chồng chị X, anh G có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G không có lập trường trong cuộc sống, mãi chơi dẫn đến nợ nần. Vợ chồng đã xảy ra cãi nhau to tiếng. Chị X đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, còn anh G cũng đã bán nhà trả nợ.

Hai con chung của chị X và anh G, cháu Lê Hoàng N và Lê Thảo L đều có nguyện vọng được chị X trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, tổ chức phiên tòa giải, đưa vụ án ra xét xử và các hoạt động tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn vắng mặt không có lý do, chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị X. Xử cho chị X ly hôn anh Lê Đức G.

- Về con chung: Xử giao 2 con chung của chị X và anh G cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Phạm Thị X phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định và được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Lê Đức G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt anh G.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị X :

Chị Phạm Thị X và anh Lê Đức G kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của chị X phù hợp với lời khai của người làm chứng, với kết quả xác minh của Tòa án và được anh G thừa nhận một phần, nên có đủ căn cứ kết luận: Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G không chú tâm làm ăn, chơi bời dẫn đến nợ nần, thua lỗ, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Mặt khác trong cuộc sống anh G hay xúc phạm chị Giang, nghi ngờ chị Giang có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Vào những lúc căng thẳng, anh G còn gây áp lực tâm lý lên chị X như dọa giết khiến chị X đã từng phải dọn đi nơi khác ở rồi sau đó lại quay lại chung sống với hi vọng anh G sẽ thay đổi, nhưng thực tế sau đó anh G không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng còn trầm trọng hơn, khiến chị đã phải bỏ về quê sống từ tháng 4/2019 đến nay. Kể cả sau khi vợ chồng đã ly thân, anh G tiếp tục đến gặp chị và chửi bới chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã được mẹ đẻ của anh G tham gia hòa giải nhưng không khắc phục được, bản thân anh G không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được giải pháp khắc phục mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng chị X, anh G đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài (trên thực tế đã chấm dứt), mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị X về việc ly hôn.

[3] Chị X và anh G có hai con chung, hiện tại đang sống cùng chị X ở quê ngoại và được chị X chăm sóc tốt, các cháu đều có nguyện vọng được chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc. Chị X cũng có điều kiện về kinh tế, chỗ ở để chăm sóc con cái. Do vậy, giao cho chị X nuôi dưỡng 2 con chung sẽ đảm bảo lợi ích mọi mặt của các con. Chị X tự nguyện không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, cả chị X , anh G đều không yêu cầu giải quyết, nên không X m xét.

[5] Về án phí: Chị Giang là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị X , xử cho chị Phạm Thị X ly hôn anh Lê Đức G.

Về con chung: Giao chị Phạm Thị X trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hoàng N, sinh ngày 18/3/2010 và Lê Thảo L, sinh ngày 04/01/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Đức G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Chị Phạm Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên lai thu số AA/2017/5369 ngày 18/6/2019. Chị X đã nộp đủ án phí.

Chị Phạm Thị X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. anh Lê Đức G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã TL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Cường